

# VCG: Vinaconex chốt quyền nhận cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu

Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Mã: VCG | Sàn: HSX)

## 1. Chi trả Cổ tức 2024

### Thông tin cổ tức năm 2024

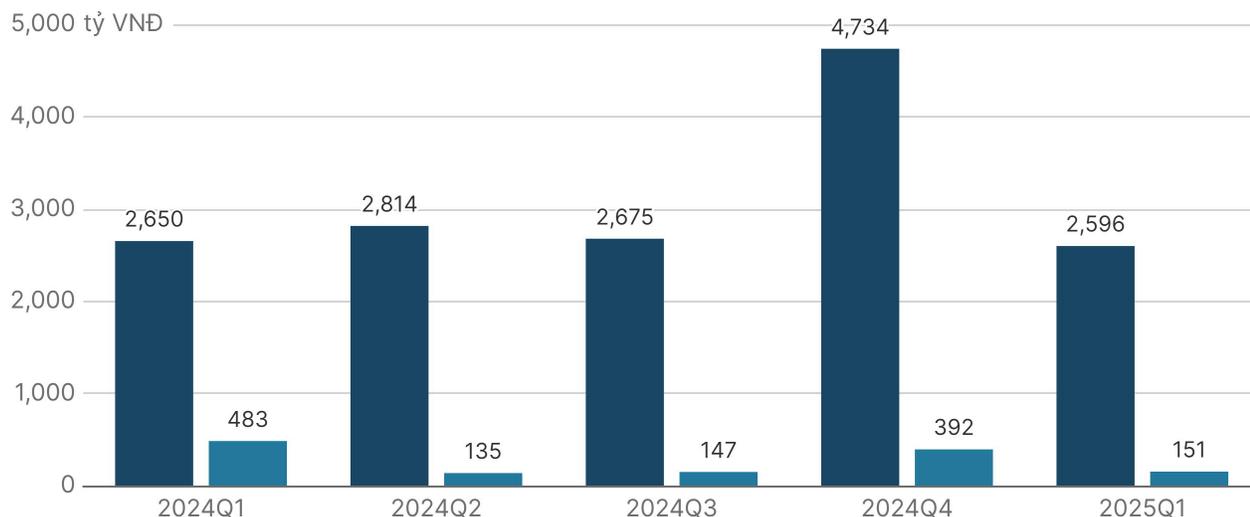
Hình thức	Tỷ lệ	Số lượng/giá trị	Ngày chốt/quyền	Ghi chú
Cổ phiếu	8%	~47,900,000 CP (478.9 tỷ đồng)	12/06/2025 (chốt quyền)	Không chuyển nhượng quyền nhận
Tiền mặt	8%	~479 tỷ đồng	28/05/2025 (chốt quyền)	800 đồng/CP Chi trả 27/06/2025

- Ngày giao dịch không hưởng quyền cổ tức bằng cổ phiếu: 11/06/2025
- Nguồn vốn: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC kiểm toán 2024
- Vốn điều lệ tăng:
  - Trước: 5,985.9 tỷ đồng
  - Sau: 6,464.8 tỷ đồng
- Cổ tức tiền mặt chi trả trên 598.6 triệu cổ phiếu đang lưu hành

## 2. Kết quả Kinh doanh Q1/2025

Chỉ tiêu	Q1/2025 (tỷ đồng)	So với Q1/2024
Doanh thu thuần	2,596	-2.04%
Lợi nhuận sau thuế	151.4	Giảm 68.6%

## Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế (VCG)



Nguồn, tổng hợp: BCTC VCG, fireant.vn.

## 3. Tình hình tài chính ngày 31/03/2025

- Tổng tài sản: 28,990.6 tỷ đồng (giảm 450 tỷ so với đầu năm)
- Cơ cấu tài sản:
  - Hàng tồn kho: 7,211.5 tỷ đồng (24.9% tổng tài sản)
  - Tài sản dở dang dài hạn: 6,820.5 tỷ đồng (23.5% tổng tài sản)

Tài sản (VCG) (tỷ VND)	2020	2021	2022	2023	2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>13,397</b>	<b>21,296</b>	<b>19,975</b>	<b>18,681</b>	<b>17,689</b>
1. Tiền và TĐ tiền	1,995	2,812	1,710	2,670	2,471
2. Đầu tư TC ngắn hạn	1,551	3,870	1,616	1,488	1,781
3. Phải thu ngắn hạn	7,468	10,856	9,059	7,070	5,858
4. Hàng tồn kho	2,220	3,466	7,080	6,888	7,090
5. Tài sản ngắn hạn khác	162	292	509	565	489
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>6,274</b>	<b>9,710</b>	<b>12,082</b>	<b>12,106</b>	<b>11,810</b>
1. Phải thu dài hạn	210	2,380	172	6	59
2. Đầu tư tài chính dài hạn	1,062	1,469	1,124	940	675
3. Tài sản cố định	2,582	2,564	2,684	3,862	3,479
4. Bất động sản đầu tư	800	745	245	240	484
5. Tài sản dở dang dài hạn	850	2,046	7,486	6,652	6,746
6. TSDH khác	708	468	314	312	308
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>19,610</b>	<b>30,969</b>	<b>31,999</b>	<b>30,694</b>	<b>29,441</b>

Nguồn, tổng hợp: BCTC VCG, fireant.vn.

- Tổng nợ phải trả: 17,723.7 tỷ đồng (giảm 3.3% so với đầu năm)
- Trong đó:
  - Vay và nợ thuê tài chính: 8,763.8 tỷ đồng (49.4% tổng nợ)

<b>Nguồn vốn (VCG) (tỷ VNĐ)</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023</b>	<b>2024</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	12,447	23,342	22,069	20,453	18,325
1. Nợ ngắn hạn	10,393	16,166	13,077	14,861	13,604
- Nợ vay ngắn hạn	2,141	5,047	5,345	6,136	4,452
- Phải trả người bán ngắn hạn	1,996	1,844	2,502	2,240	2,250
2. Nợ dài hạn	3,454	7,872	9,305	6,031	5,413
- Nợ vay dài hạn	2,146	6,632	8,168	4,962	4,307
- Phải trả người bán dài hạn	62	62	58	93	58
- Trái phiếu chuyển đổi	0	0	0	0	0
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	7,163	7,628	9,931	10,241	11,116
Vốn chủ sở hữu	7,053	7,527	9,834	10,144	11,019
- Vốn góp của chủ sở hữu	4,417	4,417	4,859	5,345	5,986
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,157	1,838	1,683	1,583	1,869
+ Lợi nhuận giữ lại kỳ này	1,635	469	880	484	909
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>19,610</b>	<b>30,969</b>	<b>31,999</b>	<b>30,694</b>	<b>29,441</b>

*Nguồn, tổng hợp: BCTC VCG, fireant.vn.*